

Bản án số: 457/2020/HSPT

Ngày: 22/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hưng;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lực.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 879/2019/TLPT ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Đức V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47A/2019/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**Nguyễn Đức V**, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Số 34 ngõ 219B, đường X, phường L, thành phố G, tỉnh Bắc Giang; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Bị cáo nguyên là cán bộ Công an tỉnh Bắc Giang, ngày 08/6/2018 Giám đốc Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định xuất ngũ; bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 31/10/2018 Đảng ủy Công an tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Đức T, sinh năm 1958, và bà: Ngụy Thị S, sinh năm 1958; có vợ: Phan Thị D, sinh năm 1985, có 03 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư Hà Đình T - Công ty luật TNHH Q, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang, (có mặt);

Luật sư Trần Công Th - Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

*Ngoài ra, trong vụ án còn có các đương sự khác không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức V, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú tại số 34, ngõ 219B, đường X, phường L, thành phố G nguyên là Cán bộ Đại đội Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bắc Giang. Việt đã làm giả 04 Giấy chứng minh Công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V do Công an tỉnh Bắc Giang cấp, sau đó đem đi thế chấp vay tiền của người khác để chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn nêu trên từ tháng 8/2016 đến ngày 28/01/2018, Việt đã lừa đảo chiếm đoạt của 04 người với tổng số tiền là 950.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của bà Phạm Thị Th, sinh năm 1958; trú tại số nhà 588, đường X, tổ G, phường X, thành phố G 200.000.000 đồng.

Nguyễn Đức V và Lương Văn T, sinh năm 1979 trú tại phường Đa Mai, thành phố G quen biết nhau do cùng công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang. Khoảng tháng 8/2016, V cần tiền để làm nhà nên hỏi vay tiền nhưng anh Toàn không có tiền nên giới thiệu đến gặp bà Th để vay tiền. V giới thiệu là Cán bộ Công an tỉnh Bắc Giang, cần vay tiền để làm nhà, bà Th yêu cầu V phải để lại Giấy chứng minh công an nhân dân thì mới cho vay thì V đồng ý.

Ngày 08/8/2016, V vay của bà Th 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 02%/01 tháng. V viết giấy vay tiền và đưa cho bà Th 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân ghi số 187- 961 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp và 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Đức V. Bà Th không biết giấy chứng minh Công an nhân dân là giả nên đồng ý cho vay tiền. Sau khi vay tiền, V đã trả cho bà Th 48.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 20/4/2017, V cùng vợ là Phan Thị D đến gặp bà Th vay 100.000.000 đồng, lãi suất 02%/01 tháng, mục đích để hoàn thiện nhà. V và chị D cùng ký vào giấy vay tiền, V ghi vào phía dưới giấy vay tiền nếu không trả được số tiền trên sẽ bán xe ô tô biển số 98A- 100.40 (xe của V đang sử dụng) cho bà Th theo yêu cầu. V trả lãi cho bà Th được khoảng 01 đến 02 tháng thì không trả nữa. Sau

đó, V gọi điện cho bà Th nói cần tiền để hoàn thiện nhà nên muốn bán chiếc xe ô tô thì bà Th đồng ý. Đến hạn trả tiền, bà Th nhiều lần đòi tiền nhưng V không trả nên làm đơn tố cáo và giao nộp 01 giấy chứng minh Công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V và 02 giấy biên nhận vay tiền. (bút lục 211; 216-218, 225- 228; 231).

Về trách nhiệm dân sự: Chị D đã trả cho bà Th 50.000.000 đồng; bà Th đồng ý trừ số tiền 50.000.000 đồng mà V đã trả lãi vào tiền gốc và xin rút lại nội dung tố cáo, không đề nghị gì (bút lục 213, 214).

2. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; trú tại thôn Tân Văn 3, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang 200.000.000 đồng.

Tháng 08/2017, V công tác tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang, thường làm nhiệm vụ gần nhà anh Nguyễn Văn H nên hai người quen biết nhau. Do cần tiền để chi tiêu, V đến nhà H hỏi vay 100.000.000 đồng, Anh H yêu cầu phải có tài sản thế chấp nhưng V không có. Anh H yêu cầu V viết giấy nhận tiền để xin việc cho chị Hoàng Thị H là vợ Anh H vào biên chế trong ngành giáo dục. Ngày 25/8/2017, V vay Anh H 100.000.000 đồng và viết giấy nhận tiền để xin việc cho chị H, sau 03 tháng không xin được sẽ trả lại tiền.

Ngày 26/8/2017, V tiếp tục hỏi vay 100.000.000 đồng, Anh H yêu cầu phải có tài sản thế chấp thì V đưa cho Anh H 01 giấy chứng minh Công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V. Anh H yêu cầu V viết giấy nhận tiền để xin việc cho chị H đồng thời để lại giấy chứng minh Công an nhân dân nêu trên. Hai người thỏa thuận lãi suất của khoản vay này là 15.000.000 đồng/01 tháng. Sau đó, Anh H nhiều lần đòi tiền nhưng V không trả. Sau khi biết giấy chứng minh Công an nhân dân mà V thế chấp là giả, anh V làm đơn tố cáo và giao nộp 01 giấy chứng minh Công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V và 02 giấy nhận tiền (bút lục 273; 278-280, 309-312).

Quá trình điều tra, V khai vay tiền chứ không phải để xin việc cho chị H. Anh H khai đưa cho V 200.000.000 đồng để V xin cho chị H vào biên chế trong ngành giáo dục. Cơ quan điều tra đã cho V đối chất với Anh H, kết quả các bên giữ nguyên lời khai.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị D đã trả Anh H 7.500.000 đồng. Anh H yêu cầu V trả lại 180.000.000 đồng.

3. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn L , sinh năm 1974; trú tại thôn V 1, xã D, huyện L 150.000.000 đồng.

Anh L mở cửa hàng kinh doanh cầm đồ tại số 78 đường Nguyễn Thị Lưu,

thành phố G. Khoảng tháng 09 năm 2017, V giới thiệu là cán bộ phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang hỏi vay tiền để làm nhà. Anh L đến nhà V ở số 01, ngách 29, ngõ 274, đường L, phường T, thành phố G. Tại đây, V hỏi vay 50.000.000 đồng và để lại 01 giấy chứng minh Công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V, thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/01 ngày/01 triệu. V viết giấy vay tiền đưa cho Anh L kèm theo 01 Giấy chứng minh công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V. Anh L không biết Giấy chứng minh công an nhân dân là giả nên đồng ý cho vay. V đã trả tiền lãi cho Anh L đối với khoản vay này là 10.000.000 đồng.

Ngày 27/11/2017, V hỏi vay Anh L 100.000.000 đồng, Anh L đồng ý và mang tiền đến nhà V. Hai người thống nhất viết giấy vay tiền chung cả 02 lần vay vào một giấy là 150.000.000 đồng (giấy vay trước hủy), V vẫn thế chấp giấy chứng minh công an, lãi suất 11.000.000 đồng/ 01 tháng, thời hạn từ 27/11/2017 đến 27/01/2018. Lúc này, chị D có mặt ở nhà nên Anh L yêu cầu cùng ký tên vào giấy vay tiền. Sau khi vay tiền, V đã trả lãi cho Anh L 11.000.000 đồng.

Đến hạn trả tiền, Anh L nhiều lần đòi nhưng V không trả nên Anh L làm đơn tố cáo và giao nộp 01 giấy chứng minh công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V và 01 giấy vay tiền đề ngày 27/11/2017 (bút lục 182; 285, 190).

Quá trình điều tra, V khai đã trả lãi cho Anh L nhiều lần với tổng số là 33.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh; Anh L khai V đã trả lãi 22.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã cho V đối chất với Anh L nhưng các bên giữ nguyên lời khai. Anh L yêu cầu V trả 150.000.000 đồng.

4. Chiếm đoạt của bà Phạm Thị T1, sinh năm 1956 trú tại số nhà 134, tổ dân phố Nghĩa Long, phường L, thành phố G 400.000.000 đồng.

Năm 2015, bà T1 mở cửa hàng mua bán xe máy tại số 134-136 đường L, thành phố G. V đến xem xe, giới thiệu là cán bộ Công an huyện Yên Dũng nên hai người quen biết nhau. Bà T1 biết V đã chuyển về công tác tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang.

Tháng 9/2017, V gọi điện cho bà T1 hỏi vay 200.000.000 đồng để hoàn thiện nhà. Bà T1 yêu cầu thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì V nói chưa sang tên giấy tờ nhà đất, V sẽ thế chấp chứng minh Công an nhân dân và giấy phép lái xe. Do tin tưởng, bà T1 đồng ý cho vay tiền. Ngày 18/9/2017, V đến nhà bà T1 để lấy 200.000.000 đồng và viết giấy vay tiền, đưa cho bà T1 01 giấy chứng minh công an nhân dân số 187- 961 và 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Nguyễn Đức V.

Ngày 21/11/2017, V tiếp tục nói với bà T1 cho thế chấp giấy chứng minh công an nhân dân vay 100.000.000 đồng để hoàn thiện nhà, bà T1 đồng ý. V viết giấy vay tiền hạn đến ngày 21/01/2018 trả tiền và đưa cho bà T1 giữ.

Ngày 28/01/2018, V tiếp tục nói với bà T1 cho thế chấp giấy chứng minh công an nhân dân để vay 100.000.000 đồng để trả công thợ và hoàn thiện nhà, bà T1 đồng ý. V viết giấy vay tiền hạn đến ngày 28/3/2018 trả tiền. V và bà T1 thỏa thuận lãi suất các lần vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

Ngày 28/3/2018, V gọi điện cho bà T1 nói có việc gấp, cần vay 20.000.000 đồng. Bà T1 không có tiền nên đã giới thiệu đến gặp chị Dương Thị Ngọc L, sinh năm 1982 ở phòng 902, chung cư Đồng Cửa, phường L, thành phố G để vay tiền. V gặp chị Lan vay 20.000.000 đồng, hạn đến 28/4/2018 sẽ trả. Đến nay, chị Lan có đơn ủy quyền cho bà T1 giải quyết việc vay nợ tiền với V.

Đến hạn trả tiền, bà T1 nhiều lần đòi nhưng V không trả nên làm đơn tố cáo vào giao 04 giấy biên nhận vay tiền bản phô tô (bút lục 234; 239- 242; 253- 255; 258- 259; 262- 265). Ngày 23/10/2018, bà T1 giao nộp cho Thanh tra Công an tỉnh Bắc Giang 01 giấy chứng minh công an nhân dân số 187- 961 và 01 giấy phép lái xe số AN278158 đều mang tên Nguyễn Đức V (bút lục 251).

Quá trình điều tra, bà T1 khai các lần cho vay tiền đều không tính lãi và không biết giấy chứng minh công an nhân dân V thế chấp là giả; V khai có nói bà T1 biết giấy chứng minh công an nhân dân là giả, bà T1 tính lãi 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, V trả lãi hàng tháng cho bà T1. Cơ quan điều tra đã cho V đối chất với bà T1. Kết quả bà T1 thừa nhận có tính lãi 3.000đồng/01triệu/01ngày đối với các khoản vay và V đã trả lãi được 36.000.000 đồng (bút lục 267- 268). Cơ quan điều tra yêu cầu bà T1 giao nộp các giấy tờ V vay tiền để giám định nhưng bà T1 không giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Bà T1 yêu cầu trả số tiền đã vay là 200.000.000 đồng số tiền còn lại đề nghị trả sau khi đã trả 200.000.000 đồng (BL259) và số tiền 20.000.000 đồng vay của chị Lan. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T1 yêu cầu V trả bà tổng cộng 420.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của Nguyễn Đức V trên các giấy biên nhận vay tiền và trưng cầu giám định giấy chứng minh công an nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đức V do những người bị hại giao nộp.

Tại Kết luận giám định số 1019 ngày 07/8/2018; số 1207 ngày 11/9/2018; số 1208 ngày 11/9/2018 và số 523/KL- KTHS ngày 25/4/2019 của Phòng kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

- Những giấy chứng minh công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Đức V trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức V trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

- Giấy phép lái xe số AN278158 mang tên Nguyễn Đức V là thật, nội dung không bị tẩy xóa, sửa chữa.

Ngoài những hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên, Nguyễn Đức V còn vay tiền của một số người khác bằng hình thức vay trả lãi. Cơ quan điều tra kết luận hành vi V vay tiền của những người này là quan hệ dân sự, cụ thể như sau:

1. Từ ngày 10/12/2012 đến ngày 25/6/2016, V nhiều lần vay bà Trần Thị H1, sinh năm 1968; trú tại Khu 3, thị trấn Neo, huyện Yên Dũng tổng số 666.000.000 đồng. V đã trả lãi được 134.000.000 đồng. Bà Hương yêu cầu V trả 532.000.000 đồng.

2. Tháng 08/2016, vợ chồng V vay chị Hà Thị D, sinh năm 1972; trú tại thôn Cầu Trong, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang 60.000.000 đồng, lãi suất 1.200.000 đồng/01 tháng. V có viết giấy biên nhận vay và trả lãi đầy đủ hàng tháng. Ngày 01/4/2017, vợ chồng V vay tiếp 40.000.000 đồng, hai bên thống nhất viết giấy nhận nợ chung cả lần vay trước vào một giấy là 100.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/01 tháng. V trả lãi cho chị Doan đến tháng 5/2018 thì không trả nữa. Chị Doan yêu cầu V trả số tiền 100.000.000 đồng.

3. Ngày 02/6/2016, V mua nhà số 01, ngách 29, đường L, phường T, thành phố G của ông Nguyễn Trường Kh, sinh năm 1972 với giá 415.000.000 đồng. V trả 215.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng thì thỏa thuận vay với lãi suất 1.200 đồng/01 triệu/01 tháng, thời hạn từ ngày 16/6/2016 đến ngày 16/6/2018. V trả lãi cho ông Kh đến tháng 5/2018 thì không trả nữa. Quá trình điều tra, V giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy trả nợ (bản phô tô) nội dung ghi ngày 04/10/2018, V đã trả cho vợ chồng ông Kh 150.000.000 đồng. Cơ quan điều tra nhiều lần triệu tập ông Kh đến làm việc nhưng ông Kh không đến và không có mặt tại nơi cư trú.

4. Ngày 27/6/2016, V vay anh Phạm Minh Ng, sinh năm 1973; trú tại số nhà 13, ngõ 218, đường L, thành phố G 150.000.000 đồng để làm nhà, V có viết giấy vay tiền và đưa cho Anh Ng 01 bản phô tô giấy chứng minh Công an nhân

dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V. Anh Ng đòi tiền nhưng V không trả nên làm đơn tố cáo.

5. Khoảng tháng 8/2017, V vay anh Trần Văn H2, sinh năm 1981; trú tại thôn Đồng, xã Song Mai, thành phố G 50.000.000 đồng, anh H2 đồng ý và yêu cầu V viết giấy nhận tiền với nội dung xin việc cho anh H2, đồng thời yêu cầu chị D ký vào giấy nhận tiền. Đến nay, anh H2 không đề nghị gì và xin rút đơn tố cáo.

6. Ngày 19/8/2014, vợ chồng V vay của bà Vũ Tuyết L 250.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày. V viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày 19/4/2015 sẽ trả tiền. Ngày 01/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố G đã xét xử buộc vợ chồng V phải trả bà L số tiền vay và lãi là 298.437.500 đồng.

7. Ngày 28/3/2018, thông qua bà T1 giới thiệu, V vay chị Dương Thị Ngọc L 20.000.000 đồng. V có viết giấy vay tiền chị Lan và hẹn đến 28/4/2018 sẽ trả. Đến nay, bà L có đơn ủy quyền cho bà T1 giải quyết.

8. Tháng 11/2017, V bán ngôi nhà số 01, ngách 29, đường L, phường T, thành phố G cho anh Hồ Sỹ L2, sinh năm 1985 trú tại Tổ 3, phường Mỹ Độ, thành phố G với giá 1,1 tỷ đồng. Anh L2 đã làm thủ tục chuyển nhượng sang tên nhà đất và cho V sử dụng ngôi nhà để ở. V khai có vay tiền của Anh L2 nhưng không trả được nên Anh L2 yêu cầu V bán nhà. Cơ quan điều tra đã cho V đối chất với Anh L2 nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai.

Đối với Phan Thị D là vợ V có ký vào các giấy biên nhận V vay tiền của ông L, bà Th nhưng D không biết V thế chấp chứng minh công an nhân dân giả để vay tiền, không trực tiếp sử dụng số tiền vay, do vậy Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang không đặt ra xem xét xử lý.

Về 04 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V: Theo V khai thuê 01 cửa hàng phô tô ở Hà Nội nhưng không nhớ địa chỉ cụ thể làm giả bằng phương pháp in phun màu. Đến nay, chưa xác định được đối tượng làm giả Giấy chứng minh Công an nhân dân cho V. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS- P2 ngày 15/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47A/2019/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đức V **13 (mười ba) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2019, bị cáo Nguyễn Đức V kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Bị cáo Nguyễn Đức V thay đổi kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì trong quá trình sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xác định hành vi của bị cáo đã được xác định tại bản án sơ thẩm là đúng. Nay, bị cáo ăn năn hối cải và hiện nay gia đình bị cáo rất khó khăn, **bố mẹ của bị cáo đều đang bị ung thư tuyến giáp**, hiện có 03 con nhỏ và vợ của bị cáo không có việc làm ổn định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức V trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hành vi của bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và quyết định như bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Tại cấp sơ thẩm bị cáo V cho rằng hành vi của bị cáo chỉ là quan hệ dân sự và bị cáo không đồng ý với việc kết tội cho bị cáo như bản án sơ thẩm và bị cáo kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và bị cáo thấy ăn năn hối cải thừa nhận là bị cáo dùng giấy chứng minh Công an nhân dân giả số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V (bản in phun màu) để làm cho những người cho vay tiền tin tưởng là thật và đã cho bị cáo vay tiền, đến nay bị cáo không trả được nợ cho các bị hại.

Ngoài ra, bị cáo còn cho rằng hiện nay gia đình bị cáo rất khó khăn, bố mẹ của bị cáo đều đang bị ung thư, hiện có 03 con nhỏ và vợ bị cáo không có việc làm ổn định.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm nhẹ cho bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

- Các Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho bị cáo V tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì phía bị cáo đã bồi thường cho phía bị hại một phần thiệt hại và gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bố mẹ của bị cáo đều đang bị ung thư tuyến giáp, hiện có 03 con nhỏ và vợ bị cáo không có việc làm ổn định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù.

- Bị cáo V nhất trí với trình bày của các Luật sư bào chữa cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức V trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cấp sơ thẩm bị cáo Nguyễn Đức V không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V thừa nhận hành vi phạm tội của mình như xác định của bản án sơ thẩm.

Như vậy, lời khai của bị cáo V tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án cũng như vật chứng thu thập được và đã được giám định. Do đó, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Đức V, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú tại số 34, ngõ 219B, đường X, phường L, thành phố G nguyên là Cán bộ Đại đội Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bắc Giang sau này chuyển về công tác tại Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Bắc Giang và V được cấp 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V (Theo nghị định số 59 ngày 08/5/2008 của Chính phủ về Giấy chứng minh công

an nhân dân tại khoản 2 Điều 8 của nghị định có quy định nghiêm cấm làm giả, sử dụng chứng minh công an nhân dân giả thì sẽ bị xử lý theo quy định). Tuy nhiên, V đã có hành vi làm 04 Giấy chứng minh Công an nhân dân số 187- 961 mang tên Nguyễn Đức V bằng phương pháp in phun màu (giống như giấy chứng minh nhân dân mà V được cấp). Mục đích của V để làm cho người cho vay tiền tin tưởng đây là Giấy chứng minh Công an nhân dân thật của V và để cho người cho vay tiền đưa tiền cho V và V đã chiếm đoạt tiền, cụ thể: Từ tháng 8/2016 đến ngày 28/01/2018, V đã chiếm đoạt của 04 người với tổng số tiền là 950.000.000 đồng trong đó bằng hình thức vay của bà Th 200.000.000 đồng; Anh L 150.000.000 đồng; bà T1 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng của Anh H (với nội dung xin việc cho vợ Anh H là chị H vào biên chế trong ngành giáo dục). Đến nay, V không có khả năng trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức V nêu trên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Hành vi của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân và quyền này được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng bị cáo thực hiện 4 hành vi chiếm đoạt tài sản và mỗi lần chiếm đoạt đều cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ thấy: Quá trình công tác bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục được một phần thiệt hại. Tuy nhiên, số tiền khắc phục ít; bà Th và bà T1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo V với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, buộc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài để bị cáo có thời gian cải tạo, rèn luyện thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật và răn đe phòng ngừa chung là có căn cứ.

[5] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V thay đổi kháng cáo từ nội dung kêu oan sang nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo V xác định bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo thấy ăn năn hối cải và bị cáo thừa nhận ngay từ đầu bị cáo dùng giấy chứng minh Công an nhân dân giả số

187- 961 mang tên Nguyễn Đức V (bản in phun màu) để làm cho những người cho vay tiền tin tưởng là thật và những người này đã cho bị cáo vay tiền, đến nay bị cáo không trả được nợ như xác định của bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, bị cáo cũng như các Luật sư bào chữa cho bị cáo còn cho rằng hiện nay gia đình bị cáo rất khó khăn, bố mẹ của bị cáo đều đang bị ung thư tuyến giáp, hiện có 03 con nhỏ và vợ của bị cáo không có việc làm ổn định và tại cấp sơ thẩm thì phía bị cáo đã khắc phục được một phần thiệt hại cho các bị hại nên đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Do đó, bị cáo cũng như Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được áp dụng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với đề nghị xem xét tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của các Luật sư thì tại Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét. Tuy nhiên, hội đồng xét xử cần xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy cần thiết chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V và cũng như phù hợp một phần với đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[7] Do chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức V, nên bị cáo V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức V; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 47A/2019/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về phần hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đức V 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức V không phải nộp

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu Phòng HCTP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Văn Hưng**